

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 68 /2025/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 30 tháng 8 năm 2025

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
Giờ: C	ĐẾN
Ngày: 04/9/2025	

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15;

Căn cứ Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BNV ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 680/TTr-SNV ngày 27 tháng 8 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2025 và thay thế các Quyết định sau:

1. Quyết định số 10/2024/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác

thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn ban hành kèm theo Quyết định số 10/2024/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ (Vụ Pháp chế);
- Ban TĐKT TW;
- Cục KTVB và Quản lý XLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Các cụm, khối thi đua trên địa bàn tỉnh;
- Công báo tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, đơn vị;
- Lưu: VT, NC_(t.t.t.t)

7

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hồ Tiến Thiệu

QUY ĐỊNH
Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 68/2025/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết thi hành công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, gồm: nguyên tắc, hình thức, nội dung tổ chức phong trào thi đua, đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tập thể và hồ sơ, thủ tục xét tặng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thủ tục hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; tổ chức, hoạt động của hội đồng thi đua khen thưởng; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tổ chức, triển khai thực hiện.

2. Các nội dung khác về thi đua, khen thưởng không được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với tập thể, hộ gia đình, cá nhân là người Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài và tập thể, cá nhân người nước ngoài đang sinh sống, làm việc, học tập trong và ngoài tỉnh, có thành tích đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của tỉnh Lạng Sơn.

2. Cụm, khối thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và người có thẩm quyền quyết định thành lập.

3. Hội đồng thi đua, khen thưởng các cấp; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 3. Nguyên tắc xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Chính xác, công khai, minh bạch, công bằng, kịp thời.

2. Hình thức khen thưởng phải phù hợp với đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân và thành tích đạt được.

3. Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được. Chủ trọng khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là người trực tiếp lao động, sản xuất, học tập, công tác hoặc chiến đấu, phục vụ chiến đấu; các đối tượng ở vùng cao, biên giới, vùng đặc biệt khó khăn; dân tộc thiểu số.

4. Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không khen thưởng nhiều lần, nhiều hình thức cho một thành tích đạt được; thành tích đến đâu khen thưởng đến đó.

5. Không thực hiện khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng đối với cá nhân, tập thể trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật, điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc khi có đơn thư khiếu nại, tố cáo, thông tin về tham nhũng, tiêu cực được báo chí nêu và đang trong quá trình xác minh, làm rõ.

Trường hợp cá nhân, tập thể bị kỷ luật, sau khi chấp hành xong thời gian kỷ luật, nếu lập được thành tích thì thành tích khen thưởng được tính từ thời điểm hoàn thành việc chấp hành kỷ luật.

Đối với các trường hợp đang trong quá trình thanh tra, kiểm tra, xác minh, khi cơ quan có thẩm quyền ban hành kết luận hoặc văn bản khẳng định cá nhân, tập thể không có sai phạm, không có dấu hiệu vi phạm thì cấp có thẩm quyền xem xét khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng theo quy định.

6. Thời gian nghỉ thai sản đối với cá nhân theo quy định được tính để xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

7. Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

8. Một đối tượng trong một năm không đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng chuyên đề quá 02 (hai) lần.

9. Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

Điều 4. Hình thức, nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Hình thức thi đua

a) Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hằng ngày, hằng tháng, hằng quý, hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo cụm, khối thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau

được chia theo cụm, khối thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các cụm, khối thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

b) Thi đua theo chuyên đề là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực cần tập trung được xác định trong khoảng thời gian nhất định để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Chỉ phát động thi đua theo chuyên đề khi đã xác định rõ thời gian, mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp cụ thể.

2. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm triển khai tổ chức phong trào thi đua trong phạm vi quản lý theo một số nội dung sau:

a) Tổ chức phong trào thi đua gắn với chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc mục tiêu, định hướng, chiến lược phát triển của cơ quan, đơn vị, tổ chức. Phong trào thi đua phải có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ hiểu, có chỉ tiêu, nội dung, kế hoạch, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của tập thể, cá nhân, hộ gia đình;

b) Triển khai nhiều biện pháp tuyên truyền, vận động cá nhân, tập thể, hộ gia đình tích cực hưởng ứng, tham gia các phong trào thi đua. Thường xuyên đôn đốc, theo dõi quá trình tổ chức thực hiện; phát hiện nhân tố mới, điển hình tiên tiến để tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng. Sơ kết, tổng kết, khen thưởng các cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích trong phong trào thi đua. Tăng cường phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả để cá nhân, tổ chức, hộ gia đình khác học tập và làm theo;

c) Tổng kết phong trào thi đua phải đánh giá đúng kết quả, hiệu quả, tác dụng; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc tổ chức phong trào thi đua; kịp thời khen thưởng các cá nhân, tập thể, hộ gia đình tiêu biểu xuất sắc; khuyến khích khen thưởng cá nhân là đồng bào dân tộc thiểu số, nông dân, công nhân, người yếu thế, khuyết tật; tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong lao động, sản xuất, học tập, công tác; cán bộ, công chức, viên chức năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung.

Chương II

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 5. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” tặng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, có tinh thần tự

lực, tự cường, đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua. Một số trường hợp được xem xét, xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”:

a) Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên thì thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng được tính vào thời gian để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định chung, trong thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng, cá nhân phải chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, hoàn thành nhiệm vụ học tập, đạt kết quả học tập từ loại khá trở lên (đối với các khóa đào tạo, bồi dưỡng có xếp loại trung bình, khá, giỏi...).

b) Đối với cá nhân chuyên công tác hoặc được điều động, biệt phái đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ (đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức) hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị mới (đối với cá nhân không phải là cán bộ, công chức, viên chức) thực hiện. Trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ; trường hợp cơ quan cũ đã giải thể thì không cần xin ý kiến nhận xét.

c) Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” đối với các cá nhân mới tuyển dụng dưới 06 tháng.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” đề tặng cho công nhân, nông dân, người lao động đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Công nhân, người lao động lao động, sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội; gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ đồng nghiệp trong doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác;

b) Nông dân có mô hình sản xuất, kinh doanh hiệu quả; áp dụng kỹ thuật tiên bộ trong lao động, sản xuất, kinh doanh; tích cực chia sẻ kinh nghiệm trong lao động, sản xuất với cộng đồng; chấp hành tốt hương ước, quy ước nơi cư trú.

Điều 6. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”:

a) Đối với các cơ quan đảng, Mặt trận tổ quốc, các sở, ban, ngành và tương đương, các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh và tương đương gồm: Phòng và tương đương, chi cục và tương đương, đơn vị sự nghiệp công lập; phòng và tương đương thuộc chi cục và tương đương, phòng và tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Các cơ quan đảng, Mặt trận tổ quốc, các phòng và tương đương, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc các xã, phường;

c) Trạm y tế xã, phường;

d) Phòng, phân xưởng và tương đương thuộc các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

b) Tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có ít nhất là 70% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Điều 7. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”:

a) Các cơ quan đảng, Mặt trận tổ quốc, các sở, ban, ngành và tương đương, các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh và tương đương;

b) Các tập thể quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 6 Quy định này.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;

b) Tích cực tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất là 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Điều 8. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” tặng hằng năm cho tập thể tiêu biểu xuất sắc trong số các tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua do tỉnh tổ chức và đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc, hoàn thành vượt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm;

b) Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác.

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” để tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua do tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi sơ kết, tổng kết phong trào và đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Hoàn thành xuất sắc các nội dung phong trào thi đua theo kế hoạch của tỉnh đề ra; thực hiện tốt công tác xây dựng, phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng, tuyên truyền điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua;

b) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Chương III **ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN** **XÉT TẶNG HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG**

Điều 9. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do tỉnh phát động; các cơ quan, đơn vị phát động có liên quan đến nhiều ngành, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn tỉnh;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; đạt giải Vàng, Bạc, Đồng và tương đương trong các cuộc thi cấp quốc gia trở lên (không tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với cá nhân đã được Bộ, ngành Trung ương khen thưởng hoặc đã được khen thưởng cấp Nhà nước);

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, ứng dụng tiên bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo;

d) Có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc có liên tục từ 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở hoặc có 02 đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng hoặc truy tặng cho công nhân, người lao động chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b, d khoản 1 Điều này;

b) Có sáng kiến có giá trị làm lợi từ 50 triệu đồng trở lên, có phạm vi ảnh hưởng trong tổ chức, doanh nghiệp và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

3. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng hoặc truy tặng cho nông dân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này.

b) Có mô hình sản xuất hiệu quả mang lại lợi nhuận từ 200 triệu đồng/năm trở lên, ổn định từ 02 năm trở lên, có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp xã và giúp đỡ hộ nông dân khác phát triển kinh tế, tạo việc làm cho người lao động. Chỉ thực hiện xét khen lần tiếp theo nếu lợi nhuận/năm tăng từ 02 (hai) lần trở lên so với lần khen thưởng gần nhất.

4. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do tỉnh phát động; các cơ quan, đơn vị phát động có liên quan đến nhiều ngành, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn tỉnh;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc tỉnh;

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo;

d) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong cụm, khối thi đua do tỉnh tổ chức; thực hiện đạt hoặc vượt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác;

đ) Có 02 năm liên tục được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

5. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách,

pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội. Cụ thể:

a) Tập thể có đóng góp bằng tiền, vật chất và công sức trị giá từ 300 triệu đồng trở lên;

b) Cá nhân, hộ gia đình có đóng góp bằng tiền, vật chất và công sức trị giá từ 100 triệu đồng trở lên.

7. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân có nhiều biện pháp hỗ trợ, giúp nông dân trong quá trình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; tạo việc làm cho nhiều lao động.

8. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tập thể, cá nhân người nước ngoài tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, luật pháp và phong tục, tập quán tốt đẹp của Việt Nam và có thành tích đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của tỉnh.

9. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong tổ chức triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Đảng, chương trình, kế hoạch, đề án của tỉnh; thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định hoặc phục vụ hội nghị, hội thảo, diễn đàn quốc tế, khu vực để thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước.

10. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc, có nhiều đóng góp trong xây dựng và phát triển cơ quan, đơn vị nhân dịp kỷ niệm năm “tròn” ngày thành lập, ngày giải phóng hoặc nhân dịp đại hội nhiệm kỳ.

Điều 10. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc và trực thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; Giấy khen của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã

1. Giấy khen để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt; giữ gìn đoàn kết nội bộ; gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị; tích cực tham gia các phong trào thi đua do cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện và phát động;

c) Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Giấy khen để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

b) Nội bộ đoàn kết, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua;

c) Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

d) Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với các thành viên trong tập thể.

3. Giấy khen để tặng cho hộ gia đình đạt các tiêu chuẩn:

a) Hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

b) Có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

Chương IV

VIỆC CÔNG NHẬN MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ VÀ HỒ SƠ, THỦ TỤC XÉT TẶNG ĐỐI VỚI CÁC DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG; THỦ TỤC HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 11. Việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tập thể

1. Việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với cá nhân thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các quy định có liên quan.

2. Việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với tập thể được thực hiện theo quy định của Đảng về kiểm điểm và đánh giá xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị và quy định của tỉnh, của cơ quan, đơn vị.

Điều 12. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh"

1. Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có 01 bộ (bản chính) gồm:

a) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua của các cơ quan, đơn vị;

b) Báo cáo thành tích của cá nhân đề nghị tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh" có xác nhận của cấp trình khen;

c) Biên bản bình xét và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp trình khen thưởng;

d) Chứng nhận hoặc xác nhận của tỉnh về sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong tỉnh hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh.

2. Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ, báo cáo Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh và lấy ý kiến các cơ quan liên quan theo quy định; căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3. Hồ sơ Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gồm: Tờ trình của Sở Nội vụ kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng và các tệp tin điện tử của hồ sơ khen thưởng.

Điều 13. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có 01 bộ (bản chính) gồm:

- a) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua của các cơ quan, đơn vị;
- b) Báo cáo thành tích của tập thể đề nghị tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” hoặc “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” có xác nhận của cấp trình khen;
- c) Biên bản bình xét của Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp trình khen thưởng.

2. Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ, báo cáo Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh và lấy ý kiến các cơ quan liên quan theo quy định; căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3. Hồ sơ Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gồm: Tờ trình của Sở Nội vụ kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng và các tệp tin điện tử của hồ sơ khen thưởng.

4. Việc đề nghị tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” cho tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

Điều 14. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Lao động tiên tiến”

1. Hồ sơ trình Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, có 01 bộ (bản chính) gồm:

- a) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua;
- b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân;
- c) Biên bản bình xét thi đua;
- d) Chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khóa học, công trình khoa học và công nghệ trong trường hợp đề nghị danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

2. Phòng, bộ phận chuyên môn thẩm định hồ sơ, báo cáo Hội đồng Thi đua, khen thưởng cơ quan, đơn vị, xã, phường và lấy ý kiến các cơ quan liên quan theo quy định; căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn, trình Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND xã, phường xem xét, quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Lao động tiên tiến” trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Điều 15. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có 01 bộ (bản chính) gồm:

- a) Tờ trình của các cơ quan, đơn vị;
- b) Báo cáo thành tích của tập thể đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có xác nhận của cấp trình khen;
- c) Biên bản bình xét của Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp trình khen thưởng.
- d) Chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với khen thưởng thành tích đột xuất; đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo; sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ.

2. Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ, báo cáo Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh và lấy ý kiến các cơ quan liên quan theo quy định; căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3. Hồ sơ Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gồm: Tờ trình của Sở Nội vụ kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng và các tệp tin điện tử của hồ sơ khen thưởng.

Điều 16. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng Giấy khen

1. Hồ sơ trình Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, có 01 bộ (bản chính) gồm:

- a) Tờ trình đề nghị xét tặng Giấy khen;
- b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân;
- c) Biên bản xét khen thưởng;

2. Phòng, bộ phận chuyên môn thẩm định hồ sơ, báo cáo Hội đồng Thi đua, khen thưởng cơ quan, đơn vị, xã, phường và lấy ý kiến các cơ quan liên quan theo quy định; căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn, trình Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường xem xét, quyết định tặng Giấy khen trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Điều 17. Thủ tục hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng, thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Cá nhân, tập thể, hộ gia đình có hành vi thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 của Luật Thi đua, khen thưởng bị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận.

2. Căn cứ vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định việc cá nhân, tập thể có hành vi vi phạm thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 của Luật Thi đua, khen thưởng thì cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng ban hành quyết định hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng.

3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có 01 bộ (bản chính) gồm:

a) Tờ trình của cơ quan, đơn vị đề nghị thu hồi đối với từng danh hiệu thi đua, loại hình khen thưởng của cá nhân, tập thể, hộ gia đình;

b) Báo cáo tóm tắt của cơ quan trực tiếp trình khen thưởng về lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (kèm theo Quyết định khen thưởng).

4. Sở Nội vụ, phòng, bộ phận chuyên môn tổng hợp hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Chương V

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CỦA HỘI ĐỒNG THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 18. Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh

1. Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh là cơ quan do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, có trách nhiệm tham mưu, tư vấn cho cấp ủy, chính quyền về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh.

2. Thành phần Hội đồng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Hội đồng có không quá 04 Phó Chủ tịch. Giám đốc Sở Nội vụ làm Phó Chủ tịch thường trực. Chủ tịch Hội đồng quyết định cơ cấu, thành phần các thành viên Hội đồng; ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng.

3. Hội đồng có các nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn; tổ chức thi đua theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng;

c) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng;

d) Tham mưu, tư vấn cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng thưởng danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

4. Sở Nội vụ là Cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh.

Điều 19. Hội đồng Thi đua, khen thưởng và Cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua, khen thưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh

1. Hội đồng Thi đua, khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua, khen thưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

a) Tham mưu cho thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền, bảo đảm phong trào phát triển mạnh mẽ, rộng khắp, đúng hướng, có hiệu quả, tạo động lực góp phần ổn định chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh;

b) Định kỳ đánh giá tình hình phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

c) Đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc quản lý;

d) Tham mưu, tư vấn cho người đứng đầu chính quyền khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng cho các tập thể, cá nhân trực thuộc;

đ) Tham mưu cho người đứng đầu chính quyền hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc thành lập Hội đồng Thi đua, khen thưởng và quy định, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cho Hội đồng Thi đua, khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

3. Thành phần Hội đồng Thi đua, khen thưởng các xã, phường (gọi chung là cấp xã) gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;
- b) Hội đồng có từ 01 đến 02 Phó Chủ tịch. Lãnh đạo Phòng Văn hóa - xã hội làm Phó Chủ tịch thường trực, các Phó Chủ tịch và các ủy viên khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định;
- c) Phòng Văn hóa - xã hội là Cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp xã.

4. Hội đồng Thi đua, khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng có từ 1 đến 2 người, gồm: cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- c) Các ủy viên Hội đồng có tối thiểu 5 thành viên là lãnh đạo đơn vị trực thuộc và một số phòng, ban chức năng, chuyên môn trực thuộc do Chủ tịch Hội đồng quyết định;
- d) Bộ phận chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị là Văn phòng hoặc Phòng Tổ chức hành chính.

5. Thành phần Hội đồng Thi đua, khen thưởng của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng có từ 1 đến 2 người, gồm: Phó Giám đốc hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên và Chủ tịch Công đoàn của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế;
- c) Các ủy viên Hội đồng có tối thiểu 5 thành viên là lãnh đạo các phòng, đơn vị trực thuộc và đại diện các tổ chức đoàn thể của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do Chủ tịch Hội đồng quyết định;
- d) Bộ phận chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng do Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên quyết định.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong công tác thi đua, khen thưởng

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác trên địa bàn tỉnh trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về

công tác thi đua, khen thưởng; xây dựng quy định thực hiện công tác thi đua, khen thưởng phù hợp với cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác; phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân rộng điển hình tiên tiến. Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng trên cơ sở đối tượng, tiêu chuẩn quy định; đánh giá thành tích của tập thể, cá nhân và chịu trách nhiệm về việc đề nghị khen thưởng.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan:

a) Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc lập báo cáo thành tích, lập hồ sơ đề nghị khen thưởng; có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ các hiện vật khen thưởng và quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng theo quy định.

3. Các cơ quan thông tấn, báo chí của tỉnh có trách nhiệm tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và của tỉnh về thi đua, khen thưởng; thường xuyên đăng tải khẩu hiệu, nội dung thi đua; phổ biến, nêu gương các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, các gương điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt trong các phong trào thi đua; tuyên truyền phản ánh kết quả đạt được của phong trào thi đua và công tác khen thưởng; kịp thời phản ánh, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

4. Trách nhiệm của Sở Nội vụ: hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác đề nghị người có thẩm quyền tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phù hợp về số lượng, có tính tiêu biểu, xuất sắc, tương quan với thành tích đạt được của tập thể, cá nhân trong việc thực hiện các phong trào thi đua thường xuyên và thi đua theo chuyên đề.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh; các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.